

học cơ sở và chuyển đến Hội đồng xét đề nghị cấp huyện.

b) Hội đồng xét đề nghị cấp huyện tổ chức kiểm tra, xét và làm văn bản đề nghị gửi lên Hội đồng xét đề nghị cấp tỉnh kèm theo biên bản kiểm tra và hồ sơ quy định tại Điều 10 của Quy chế này.

c) Hội đồng xét đề nghị cấp tỉnh kiểm tra, xét và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định công nhận.

2. Đối với trung học phổ thông:

a) Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị xét công nhận đạt chuẩn quốc gia, thống nhất bằng văn bản với Ủy ban nhân dân cấp huyện và chuyển lên Hội đồng xét đề nghị cấp tỉnh.

b) Hội đồng xét đề nghị cấp tỉnh tổ chức kiểm tra, xét và làm văn bản đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia kèm theo biên bản và hồ sơ quy định tại Điều 10 của Quy chế này.

c) Đoàn kiểm tra của Bộ Giáo dục và Đào tạo trực tiếp kiểm tra các trường trung học phổ thông theo đề nghị của Hội đồng xét đề nghị cấp tỉnh, xét và làm văn bản trình Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét quyết định công nhận.

3. Sau mỗi đợt xét công nhận, các cấp có thẩm quyền có trách nhiệm trả lời bằng văn bản với những trường trung học chưa được công nhận đạt chuẩn quốc gia về các tiêu chuẩn cụ thể để nhà trường có hướng phấn đấu trong năm học sau./.

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

NGUYỄN MINH HIỂN

BỘ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

QUYẾT ĐỊNH số 13/2001/QĐ-BKHCMNT **ngày 06/6/2001 về việc ban hành** **Quy định tạm thời về chứng nhận** **hàng hóa phù hợp tiêu chuẩn về** **an toàn.**

BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Pháp lệnh Chất lượng hàng hóa ngày 24 tháng 12 năm 1999;

Căn cứ Nghị định số 22/CP ngày 22 tháng 5 năm 1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 86/CP ngày 08/12/1995 của Chính phủ quy định phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng hàng hóa;

Căn cứ ý kiến của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 5397/VPCP-KG ngày 11/12/2000 về việc ban hành tạm thời một số quy định hướng dẫn thi hành Pháp lệnh Chất lượng hàng hóa;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tạm thời về chứng nhận hàng hóa phù hợp tiêu chuẩn về an toàn đối với hàng hóa thuộc phạm vi quản lý về chất lượng của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Bộ trưởng

Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường

Thứ trưởng

BÙI MẠNH HẢI

QUY ĐỊNH TẠM THỜI về chứng nhận hàng hóa phù hợp tiêu chuẩn về an toàn

(ban hành kèm theo Quyết định số 13/2001/QĐ-BKHCNMT ngày 06/6/2001 của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường).

1. Quy định chung:

1.1. Văn bản này quy định tạm thời nội dung chứng nhận hàng hóa phù hợp tiêu chuẩn về an toàn (sau đây gọi tắt là chứng nhận an toàn) theo quy định tại Điều 15 và Điều 18 của Pháp lệnh Chất lượng hàng hóa 1999.

1.2. Quy định tạm thời về chứng nhận an toàn được xây dựng trên cơ sở phân công trách nhiệm thực hiện việc thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng hàng hóa của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường tại khoản 2 Điều 24 của Pháp lệnh Chất lượng hàng hóa 1999 và nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về chất lượng hàng hóa của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường quy định tại Điều 4 của Nghị định số 86/CP ngày 08/12/1995 của Chính phủ.

1.3. Chứng nhận an toàn được thực hiện dựa trên việc xem xét đánh giá sự phù hợp của hàng hóa với tiêu chuẩn về an toàn thông qua việc thử nghiệm mẫu điển hình.

Chứng nhận an toàn áp dụng cho hàng hóa có yêu cầu về an toàn đối với người sử dụng trực tiếp, được quy định trong các Tiêu chuẩn Việt Nam.

Danh mục hàng hóa phải chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn về an toàn (gọi tắt là Danh mục hàng hóa chứng nhận an toàn) được quy định tại Phụ lục 1 và sẽ được sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu quản lý.

1.4. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu (dưới đây gọi chung là doanh nghiệp) có hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa chứng nhận an toàn, phải thực hiện việc đăng ký chứng nhận an toàn và phải được cấp giấy chứng nhận an toàn, dấu an toàn cho hàng hóa đó trước khi đưa ra lưu thông trên thị trường. Việc đăng ký chứng nhận an toàn được áp dụng cho từng kiểu loại hàng hóa cụ thể.

Các loại hàng hóa dưới đây không thuộc diện phải chứng nhận an toàn:

- Hàng hóa tạm nhập khẩu để tái xuất;
- Hàng hóa xuất khẩu (trừ trường hợp có yêu cầu của doanh nghiệp hoặc bên nhập khẩu);
- Hàng hóa nhập khẩu là quà biếu, hành lý cá nhân, ngoại giao, hàng mẫu không dùng để trao đổi thương mại, hàng triển lãm, hội chợ.

1.5. Tiêu chuẩn làm căn cứ để đánh giá sự phù hợp của hàng hóa (gọi tắt là tiêu chuẩn đánh giá) và tiêu chuẩn được áp dụng làm phương pháp thử nghiệm hàng hóa là các Tiêu chuẩn Việt Nam được quy định trong Danh mục hàng hóa chứng nhận an toàn.

1.6. Việc thử nghiệm hàng hóa để chứng nhận an toàn phải được thực hiện tại phòng thử nghiệm chỉ định theo mục 2.2 của Quy định này.

1.7. Giấy chứng nhận an toàn (là giấy chứng nhận chất lượng phù hợp với Tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn) và dấu an toàn cấp cho hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa chứng nhận an toàn quy định tại Phụ lục 1 của Quyết định này được thực hiện trên cơ sở Tiêu chuẩn Việt Nam tương ứng.

1.8. Hàng hóa nhập khẩu thuộc Danh mục hàng hóa chứng nhận an toàn, nếu có bằng chứng khách quan về đảm bảo an toàn (tương tự giấy chứng nhận an toàn và dấu an toàn theo Quy định này) của nước xuất khẩu đã được Việt Nam thừa nhận, sẽ được miễn thử nghiệm và được cấp giấy chứng nhận an toàn và dấu an toàn theo Quy định này.

1.9. Đối với hàng hóa đã được cấp giấy chứng nhận an toàn và dấu an toàn, doanh nghiệp được phép sử dụng giấy chứng nhận an toàn trong việc tự công bố hàng hóa phù hợp Tiêu chuẩn Việt Nam.

1.10. Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng có trách nhiệm tổ chức và hướng dẫn chi tiết thực hiện việc chứng nhận an toàn và giám sát sau chứng nhận theo Quy định này.

2. Phương thức chứng nhận an toàn:

2.1. Việc chứng nhận an toàn bao gồm các nội dung sau:

a) Thử nghiệm mẫu điển hình để đánh giá sự phù hợp của hàng hóa đối với các yêu cầu về an toàn của tiêu chuẩn đánh giá;

b) Giám sát hàng hóa sau chứng nhận an toàn tại cơ sở sản xuất, kho chứa hàng hoặc trên thị trường.

2.2. Việc thử nghiệm mẫu điển hình phải tiến hành tại phòng thử nghiệm được chỉ định.

Các phòng thử nghiệm sau đây sẽ được xem xét để được chỉ định thực hiện việc thử nghiệm an toàn:

- Phòng thử nghiệm đã được công nhận theo hệ thống VILAS hoặc các phòng thử nghiệm đã được công nhận bởi các tổ chức công nhận đã ký kết thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau với VILAS;

- Phòng thử nghiệm chưa được công nhận nhưng có đủ năng lực thử nghiệm hàng hóa về an toàn;

- Phòng thử nghiệm hoặc các tổ chức chứng nhận nước ngoài được Việt Nam thừa nhận có đủ năng lực để thử nghiệm hàng hóa về an toàn.

Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng công bố danh sách các phòng thử nghiệm được chỉ định.

3. Trình tự chứng nhận an toàn:

3.1. Chuẩn bị:

Doanh nghiệp có hàng hóa thuộc Danh mục phải chứng nhận an toàn thực hiện các bước chuẩn bị sau:

a) Lấy mẫu: Doanh nghiệp tự lấy mẫu điển hình của hàng hóa theo tiêu chuẩn quy định và gửi tới phòng thử nghiệm được chỉ định để thử nghiệm.

b) Thử nghiệm: Phòng thử nghiệm được chỉ định có trách nhiệm thử nghiệm hàng hóa theo tiêu chuẩn tương ứng đã quy định tại Danh mục hàng hóa chứng nhận an toàn và cấp Phiếu kết quả thử nghiệm cho doanh nghiệp.

c) Lập hồ sơ kỹ thuật: Hồ sơ kỹ thuật do doanh nghiệp lập bao gồm các tài liệu sau:

- Bản vẽ thiết kế, ảnh chụp của hàng hóa, đặc

biệt các bộ phận, chi tiết liên quan đến an toàn của hàng hóa;

- Các thông số kỹ thuật cơ bản của hàng hóa, đặc biệt là các thông số về an toàn;
- Nhân hàng hóa;
- Tài liệu hướng dẫn sử dụng;
- Các giấy chứng nhận đối với hàng hóa và doanh nghiệp (nếu có).

Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng hướng dẫn nội dung chi tiết hồ sơ kỹ thuật đối với từng loại hàng hóa.

3.2. Đăng ký.

Doanh nghiệp lập hồ sơ đăng ký chứng nhận an toàn và gửi về Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng. Hồ sơ gồm:

- a) Giấy đăng ký chứng nhận hàng hóa phù hợp tiêu chuẩn về an toàn;
- b) Hồ sơ kỹ thuật (điểm c mục 3.1);
- c) Phiếu kết quả thử nghiệm (điểm b mục 3.1) bản chính hoặc bản sao hợp lệ với thời hạn không quá sáu (6) tháng kể từ ngày cấp.

3.3. Xem xét và đánh giá.

Việc xem xét, đánh giá hồ sơ đăng ký được thực hiện theo các bước sau:

a) Xem xét sự phù hợp của các tài liệu trong hồ sơ với yêu cầu của chứng nhận an toàn (trong vòng 5 ngày): nếu không phù hợp, yêu cầu doanh nghiệp bổ sung hoàn chỉnh; nếu phù hợp, chuyển sang đánh giá kỹ thuật.

b) Đánh giá kỹ thuật: đánh giá sự phù hợp của phiếu kết quả thử nghiệm với hồ sơ kỹ thuật và tiêu chuẩn đánh giá (trong vòng 12 ngày): nếu kết quả đánh giá đạt yêu cầu, doanh nghiệp sẽ được cấp giấy chứng nhận an toàn;

Nếu kết quả đánh giá không đạt yêu cầu, doanh nghiệp sẽ được thông báo để có biện pháp khắc phục trong thời hạn quy định. Quá thời hạn quy định, hồ sơ sẽ được gửi trả và doanh nghiệp phải thực hiện lại thủ tục đăng ký từ đầu.

3.4. Giám sát sau chứng nhận.

Việc giám sát sự phù hợp của hàng hóa đã được cấp giấy chứng nhận an toàn với tiêu chuẩn đánh giá tương ứng và Quy định này được tiến hành nhằm đảm bảo duy trì sự phù hợp của hàng hóa với tiêu chuẩn đánh giá.

Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng thực hiện việc giám sát sau chứng nhận an toàn 2 lần/năm. Định kỳ 6 tháng, các Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng gửi báo cáo kết quả giám sát về Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng và báo cáo đột xuất nếu phát hiện vi phạm của hàng hóa và doanh nghiệp theo Quy định này.

Định kỳ hàng năm, doanh nghiệp có trách nhiệm gửi mẫu điển hình đến tổ chức thử nghiệm được chỉ định để thử nghiệm và gửi phiếu kết quả thử nghiệm này cho Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng theo địa bàn quản lý.

Căn cứ vào phiếu kết quả thử nghiệm mẫu điển hình của hàng hóa, ý kiến phản ánh hoặc khiếu nại của người tiêu dùng và các cơ quan quản lý, việc giám sát hàng hóa sau chứng nhận được tiến hành tại cơ sở sản xuất và/hoặc trên thị trường.

4. Giấy chứng nhận an toàn:

4.1. Hàng hóa đạt yêu cầu về chứng nhận an toàn sẽ được cấp giấy chứng nhận an toàn với thời hạn hiệu lực không quá 3 năm.

4.2. Trong thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận an toàn, doanh nghiệp phải đảm bảo hàng hóa phù hợp tiêu chuẩn đánh giá tương ứng và sử dụng dấu an toàn đúng quy định.

4.3. Chứng nhận lại:

Doanh nghiệp phải đăng ký chứng nhận lại khi

giấy chứng nhận an toàn đối với hàng hóa hết hiệu lực; tiêu chuẩn đánh giá đã thay đổi hoặc hàng hóa đã được chứng nhận có những thay đổi làm ảnh hưởng tới sự phù hợp của hàng hóa với những yêu cầu an toàn.

Hàng hóa chứng nhận lại nếu đạt yêu cầu an toàn theo Quy định này sẽ được cấp giấy chứng nhận mới. Hàng hóa không được chứng nhận lại sẽ bị xóa tên trong Danh bạ các hàng hóa được chứng nhận an toàn. Nội dung và thủ tục chứng nhận lại được thực hiện như chứng nhận lần đầu.

4.4. Khi phát hiện hàng hóa của mình có biểu hiện không phù hợp với tiêu chuẩn đánh giá tương ứng, doanh nghiệp phải chủ động báo cáo Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng và Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng; đồng thời tiến hành các biện pháp khắc phục đối với hàng hóa đang sản xuất hoặc nhập khẩu, hàng hóa đang lưu thông trên thị trường cũng như hàng hóa đang trong quá trình sử dụng.

4.5. Giấy chứng nhận an toàn sẽ bị thu hồi và hết hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Kết quả giám sát sau chứng nhận không đạt yêu cầu;

- Hàng hóa gây tai nạn cho người sử dụng do không đạt yêu cầu về an toàn.

5. Dấu an toàn:

Dấu an toàn gồm: dấu hợp chuẩn về an toàn và số hiệu kiểm soát.

5.1. Dấu hợp chuẩn về an toàn có hình dáng và kích thước được quy định trong TCVN 5680 - 2000 Dấu phù hợp tiêu chuẩn.

5.2. Số hiệu kiểm soát:

Số hiệu kiểm soát gồm 8 chữ số ghi trong giấy chứng nhận an toàn, trong đó:

2 số đầu: số thứ tự của hàng hóa quy định trong Danh mục hàng hóa chứng nhận an toàn;

3 số tiếp theo: số thứ tự doanh nghiệp đăng ký chứng nhận;

2 số tiếp theo: năm cấp giấy chứng nhận;

1 số cuối: lần cấp giấy chứng nhận.

Số hiệu kiểm soát phải được đặt bên dưới dấu hợp chuẩn về an toàn.

5.3. Trước khi đưa ra lưu thông trên thị trường, hàng hóa đã được cấp giấy chứng nhận an toàn phải in/gắn dấu an toàn lên hàng hóa hoặc bao bì hàng hóa tại vị trí phía trước của hàng hóa, nơi dễ nhìn thấy để tiện cho người sử dụng và cơ quan giám sát.

6. Tổ chức thực hiện:

6.1. Trong thời hạn sáu (6) tháng kể từ ngày Quy định này có hiệu lực thi hành, để các tổ chức, cá nhân có liên quan có thời gian chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện việc chứng nhận an toàn hàng hóa trong Danh mục hàng hóa chứng nhận an toàn trong khi chưa có giấy chứng nhận an toàn và dấu an toàn theo Quy định này, được phép lưu thông trên thị trường.

6.2. Sau thời hạn sáu (6) tháng nói trên, tất cả hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa chứng nhận an toàn phải được chứng nhận an toàn và được cấp giấy chứng nhận, dấu an toàn trước khi đưa ra lưu thông trên thị trường.

7. Kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm:

Việc kiểm tra, thanh tra và xử lý các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm các quy định về chứng nhận an toàn được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành./.

KT. Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ
và Môi trường
Thủ trưởng

BÙI MẠNH HẢI

Phụ lục 1**DANH MỤC HÀNG HÓA PHẢI CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP
TIÊU CHUẨN VỀ AN TOÀN (DANH MỤC HÀNG HÓA CHỨNG NHẬN AN TOÀN)**

*(ban hành kèm theo Quyết định số 13/2001/QĐ-BKHCNMT
ngày 06/6/2001 của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường).*

Số thứ tự	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn đánh giá	Phương pháp thử nghiệm
1	Quạt điện dân dụng, bao gồm quạt bàn, quạt đứng, quạt trần, quạt treo tường	TCVN 5699-2-80:2000 (tương đương với IEC 60335-2-80:1997)	TCVN 5699-2-80:2000 (tương đương với IEC 60335-2-80:1997)
2	Ấm điện và các thiết bị khác dùng để đun sôi nước, có dung tích danh định không quá 10 lít	TCVN 5699-2-15:2000 (tương đương với IEC 335-2-15:1995 và sửa đổi 1:1999)	TCVN 5699-2-15:2000 (tương đương với IEC 335-2-15:1995 và sửa đổi 1:1999)
3	Bàn là điện dân dụng	TCVN 5699-2-3:2000 (tương đương với IEC 335-2-3:1993 và sửa đổi 1:1999)	TCVN 5699-2-3:2000 (tương đương với IEC 335-2-3:1993 và sửa đổi 1:1999)
4	Máy sấy tóc dân dụng	TCVN 5699-2-23:2000 (tương đương với IEC 335-2-23:1996)	TCVN 5699-2-23:2000 (tương đương với IEC 335-2-23:1996)

QUYẾT ĐỊNH số 16/2001/QĐ-BKHCNMT
ngày 11/6/2001 về việc phê duyệt mục tiêu, nội dung chủ yếu của Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp nhà nước giai đoạn 5 năm 2001 - 2005: "Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thông tin và truyền thông".

BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 22/CP ngày 22 tháng 5

năm 1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 82/2001/QĐ-TTg ngày 24 tháng 5 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ chủ yếu và Danh mục các Chương trình Khoa học và Công nghệ trọng điểm cấp nhà nước giai đoạn 5 năm 2001 - 2005;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý khoa học và công nghệ công nghiệp, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch,